

Bản án số: 205/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị M Khánh

Ông Nguyễn Đức Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Ngô Trọng Đ, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 52, đường X, Phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Thường trú: Số 52, đường X, Phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Số 33-701 Beaccon H, F, McM, Alb, Canada.

Người đại diện ủy quyền nhận văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Nguyễn Thị Thùy D: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (không triệu tập)

Địa chỉ: Số 16, đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 17/07/2023, nguyên đơn anh Ngô Trọng Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thùy D kết hôn với nhau ngày 20/12/2001 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn anh và chị Nguyễn Thị Thùy D có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới xong chị D về gia đình anh làm dâu ngay. Trong thời gian chung sống với nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã bất hòa. Trong sinh hoạt hằng ngày vợ chồng không thể hòa hợp được. Mâu thuẫn đỉnh điểm thời gian tháng 7/2022 chị D làm thủ tục sang Canada sinh sống. Từ đó cho đến nay chị D chưa về thăm gia đình lần nào, vợ chồng đã sống ly thân, đến nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau không quan tâm đến nhau. Nay thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trở lên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Thùy D.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 02 con chung là cháu Ngô Thị Thùy L, sinh ngày 04/04/2003 và cháu Ngô Nhật M, sinh ngày 14/10/2012. Hiện nay, hai con chung đang ở Canada. Cháu Ngô Thị Thùy L, đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu Ngô Nhật M hiện nay đang sinh sống cùng chị D bên Canada. Anh đề nghị Tòa án giao cháu M cho chị D nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh và chị D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định vân tay đối với các tài liệu gồm bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn xin vắng mặt của chị Nguyễn Thị Thùy D và đơn trình bày của cháu Ngô Nhật M chị Nguyễn Thị Thùy D hết 3.240.000 đồng. Anh Ngô Trọng Đ xin chịu cả số tiền này.

Tại bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn xin vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy D, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Trọng Đ kết hôn với nhau ngày 20/12/2001 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn chị và anh Đ có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có được sự đồng ý của 02 bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới xong chị về gia đình anh Đ làm dâu ngay. Trong thời gian chung sống với nhau, vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã bất hòa. Trong sinh hoạt hằng ngày vợ chồng không thể hòa hợp được. Đến tháng 7/2022 chị làm thủ tục sang Canada sinh sống. Từ đó cho đến nay chị và anh Đ không quan hệ vợ chồng với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2022, đến nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau không quan tâm đến nhau. Nay thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trở lên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Anh Đ có đơn xin ly hôn, chị đồng ý đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho chị và anh Đ

được ly hôn để vợ chồng sớm giải thoát cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngô Thị Thùy L, sinh ngày 04/04/2003 và cháu Ngô Nhật M, sinh ngày 14/10/2012. Hiện nay, hai con chung đang sinh sống ở Canada cùng với chị. Về nuôi con chung, chị đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của cháu M để giao. Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn trình bày nguyện vọng ngày 15/6/2023, cháu Ngô Nhật M, trình bày: Cháu là con bố Ngô Trọng Đ, con mẹ Nguyễn Thị Thùy D. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng với mẹ cháu tại Canada, địa chỉ số 33-701 Beacon Hill Drive, Fort, McMurray, Alberta, Canada. Do mâu thuẫn tình cảm giữa bố mẹ cháu không thể hòa giải được. Bố cháu Ngô Trọng Đ có đơn xin ly hôn mẹ cháu Nguyễn Thị Thùy D. Bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ là Nguyễn Thị Thùy D.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Ngô Trọng Đ, bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy D vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện của anh Đ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn anh Đ, bị đơn chị D đều có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 điều 123, điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 159, 160, 161 khoản 1 Điều 228; 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Trọng Đ. Xử cho anh Đ được ly hôn chị D.

Về con chung: Giao cháu Ngô Nhật M, sinh ngày 14/10/2012 cho chị D nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ, chị D đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về án phí: Anh Ngô Trọng Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 3.240.000 đồng chi phí giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn xin vắng mặt của chị Nguyễn Thị Thùy D và đơn trình bày của cháu Ngô Nhật M do anh Ngô Trọng Đ nộp tại Tòa án: Do chị D hiện đang cư trú ở địa chỉ số 33-701 Beaccon Hill Drive, Fort, McMurray, Alberta, Canada. Chị D gửi Bản tự khai ngày 15/6/2023, Giấy ủy quyền ngày 15/6/2023, đơn đề nghị Tòa án không mở phiên hòa giải ngày 15/6/2023, đơn trình bày nguyện vọng của cháu Ngô Nhật M, đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đơn đề nghị Tòa án không mở phiên hòa giải ngày 15/6/2023 những tài liệu này đều có chữ ký và điểm chỉ ngón trỏ trái và ngón trỏ phải của chị Nguyễn Thị Thùy D (tài liệu không có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Canada). Căn cứ Đơn đề nghị giám định của anh Đ, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang ra Quyết định trưng cầu giám định số: 197/2023/QĐ-TCGD ngày 02/08/2023.

Tại bản Kết luận giám định số: 1471/KL-KTHS ngày 11/8/2023 của Phòng kỹ thuật Hình sự (PC 09)- Công an tỉnh Bắc Giang, đã kết luận: Dấu vân tay in dưới mực “Ngón trỏ trái” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A5) so với dấu vân tay ở ô trỏ trái trên “chỉ bản” số 121291569 mang tên Nguyễn Thị Thùy D là của cùng một người; Dấu vân tay in dưới mực “Ngón trỏ phải” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A5) so với dấu vân tay ở ô trỏ phải trên “chỉ bản” số 121291569 mang tên Nguyễn Thị Thùy D là của cùng một người. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xem xét, đánh giá về các tài liệu này để giải quyết vụ án.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Nguyên đơn anh Ngô Trọng Đ, bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy D đều xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ, chị D.

[3] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Ngô Trọng Đ là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị Thùy D và yêu cầu giải quyết nuôi con chung, chị D hiện đang cư trú ở địa chỉ: Số 33-701 Beaccon H, F, McM, Albert, Canada. Theo Công văn số 18875/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 25/7/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh-Bộ công an, thì chị D đã xuất nhập cảnh 09 lần, lần xuất cảnh gần nhất ngày 17/7/2022 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Như vậy, đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”. Do vụ án có bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy D ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Trọng Đ và chị Nguyễn Thị Thùy D kết hôn ngày 20/12/2001, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng anh Đ, chị D phát sinh mâu thuẫn, anh Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đ, Hội đồng xét xử thấy: Anh Đ và chị D kết hôn năm 2001. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến ngày 17/7/2022 chị D xuất cảnh sang Canada sinh sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn càng trầm trọng, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tình cảm, anh Đ xin ly hôn chị D có bản tự khai trình bày đồng ý ly hôn với anh Đ. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ. Xử cho anh Ngô Trọng Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị Thùy D là có căn cứ và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4]. Về nuôi con chung: Anh Đ, chị D có 02 con chung là cháu Ngô Thị Thùy L, sinh ngày 04/04/2003 và cháu Ngô Nhật M, sinh ngày 14/10/2012. Hiện nay, hai con chung đang sinh sống ở Canada cùng với chị D. Do cháu Ngô Thị Thùy L đã trưởng thành nên anh Đ, chị D không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Ngô Nhật M anh đề nghị giao cháu M cho chị D nuôi dưỡng, cháu M có nguyện vọng được ở cùng mẹ.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh Đ. Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay cháu L đã trưởng thành cả anh Đ và chị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đối với cháu Ngô Nhật M, hiện cháu đang sinh sống cùng chị D ở Canada và căn cứ nguyện vọng cũng như ý kiến trình bày của anh Đ, chị D. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh Đ, giao cháu Ngô Nhật M, sinh ngày 14/10/2012 cho chị D nuôi dưỡng đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là có căn cứ và phù hợp điều kiện thực tế cũng như nguyện vọng và quyền lợi mọi mặt của cháu M. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Đ và chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản, công nợ: Anh Đ, chị D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Anh Ngô Trọng Đ phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; và

điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về chi phí giám định: Anh Ngô Trọng Đ tự nguyện chịu 3.240.000 đồng chi phí giám định. Xét thấy việc anh Đ tự nguyện chịu chi phí giám định là đúng quy định tại điều 159, 160, 161 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này của anh Đ. Xác nhận anh Đ đã nộp đủ số tiền 3.240.000 đồng.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 159; Điều 160, Điều 161; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Trọng Đ

1. Về hôn nhân: Anh Ngô Trọng Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị Thùy D.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Ngô Nhật M, sinh ngày 14/10/2012 cho chị Nguyễn Thị Thùy D nuôi dưỡng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Ngô Trọng Đ phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000131 ngày 18/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Đ đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về chi phí giám định: Anh Đ chịu cả số tiền 3.240.000 đồng. Xác nhận anh Đ đã nộp đủ 3.240.000 đồng chi phí giám định.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị Thùy D đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Ngô Trọng Đ đang ở Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND phường T, thành phố B;
- Công thông tin điện tử TAND Tối cao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

